TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Dần.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hổ và ông Doãn Đức Hùng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom- tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom- tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 848/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980. Trú tại: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình Đức T, sinh năm 1966. Trú tại: Số 28/K1, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Q có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Đình Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2003 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; anh T không hiểu và không quan tâm đến chị Q. Ngoài ra, mẹ của anh T thường mắng chửi chị Q không đúng sự thật nhưng anh T cũng không bênh vực chị Q. Sự việc đã diễn ra trong thời gian dài làm cho tình cảm của vợ chồng đối với nhau không còn nữa. Cũng từ năm 2005 đến nay, chị Q và anh T không còn sống chung và quan tâm đến nhau. Nay tình cảm của chị Q đối với anh T không còn nữa nên chị Q cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Q và anh Toàn có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn

Đình Minh T, sinh ngày 17/5/2004, hiện đang sống cùng anh T và cháu Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/01/2006, hiện đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn, chị Q đồng ý để anh T trực tiếp nuôi cháu T, chị Q xin trực tiếp nuôi cháu Q; các bên không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn- anh Trần Đình Đức T trình bày:

Anh T và chị Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2003 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm đầu sau kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã. Mặt khác, giữa mẹ đẻ của anh T và chị Q có nhiều hiểu lầm nên làm cho tình cảm vợ chồng của anh T và chị Q có nhiều sứt mẻ. Từ năm 2005 đến nay, anh T và chị Q không còn sống chung với nhau, tình cảm của anh T đối với chị Q cũng không còn nữa. Tuy nhiên, do anh T là người theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị Q có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Đình Minh T, sinh ngày 17/5/2004, hiện đang sống cùng anh T và cháu Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/01/2006, hiện đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, anh T xin được nuôi dưỡng cháu T; các bên không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Anh T xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh T; giao cho chị Q trực tiếp nuôi cháu Q; giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; các bên không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi các con chung. Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Đình Đức T xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Q và anh T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ năm 2005 đến nay. Anh T thừa nhận, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm nhưng không khắc phục được và anh Toàn cũng không có biện pháp

gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Q được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Đình Minh T, sinh ngày 17/5/2004 (hiện đang sống cùng anh T) và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/01/2006 (hiện đang sống cùng chị Q). Chị Q và anh T đã thỏa thuận khi ly hôn, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét thỏa thuận của chị Q và anh T thì thấy phù hợp với ý kiến của các con chung và cũng phù hợp với nơi ở thực tế hiện nay của các cháu nên cần chấp nhận. Do các đương sự không yêu cầu nên tạm thời hai bên không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi các con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trần Đình Đức T.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/01/2006.

- Giao cho anh Trần Đình Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Nguyễn Đình Minh T, sinh ngày 17/5/2004.

- Tạm thời chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Đình Đức T không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Trần Đình Đức T và chị Nguyễn Thị Q.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 001207 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Nguyễn Thị Q biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đình Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Niêm yết;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã H *(Nơi đăng ký kết hôn ngày 09/5/2003, số 29, quyển số 01/03);*
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Dần

Mẫu 52-DS